

BỘ XÂY DỰNG
Số: 05/2004/QĐ-BXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Về việc ban hành Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXD VN 281: 2004 " Nhà văn hoá thể thao - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế "

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 36/ 2003/NĐ - CP ngày 04 / 04 / 2003 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.

Căn cứ biên bản số 09/ BB - HĐKHKT ngày 18 / 1 / 2002 của Hội đồng Khoa học kỹ thuật chuyên ngành nghiệm thu tiêu chuẩn " Nhà văn hoá thể thao - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế "

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kiến trúc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này 01 Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam TCXD VN 281: 2004 " Nhà văn hoá thể thao - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế "

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo.

Điều 3: Các Ông: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kiến trúc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam

TCXDVN

Nhà văn hoá -thể thao - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế

Building for sports-culture- basic principles for design

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng để thiết kế xây dựng mới hoặc cải tạo nhà văn hoá- thể thao.

Chú thích:

1. Nhà văn hoá- thể thao được dùng vào mục đích tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao ở cấp quận, huyện.

2. Đối với nhà văn hoá- thể thao có yêu cầu đặc biệt, khi các cơ quan có thẩm quyền cho phép thì được thiết kế theo yêu cầu, nhiệm vụ thiết kế riêng.

2. Tiêu chuẩn viện dẫn

Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam.

TCVN 2748 - 1991. Phân cấp công trình xây dựng - Nguyên tắc chung.

TCXDVN 276: 2002. Công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản thiết kế.

TCVN 4250-1986. Công trình thể thao- Sân thể thao - Tiêu chuẩn thiết kế.

TCVN 4529- 1988. Công trình thể thao- Nhà thể thao - Tiêu chuẩn thiết kế.

TCVN 4474-1987. Thoát nước bên trong nhà và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

TCVN 4513-1988. Cấp nước bên trong nhà và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

TCVN 2622 -1995. Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình- Yêu cầu thiết kế.

TCVN 5687- 1991. Thông gió điều tiết không khí, sưởi ấm - Tiêu chuẩn thiết kế

TCXD 16- 1986. Chiếu sáng nhân tạo trong công trình dân dụng.

TCXD 25-1991 . Đặt đường dây điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế

TCXD 27- 1991. Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế

3. Quy định chung

3.1. Căn cứ vào tính chất, chức năng sử dụng và quy mô công trình, nhà văn hoá- thể thao được phân làm hai loại:

Nhà văn hoá- thể thao với nội dung hoạt động thông thường;

Nhà văn hoá- thể thao với nội dung hoạt động mang tính chất đặc trưng của vùng miền.

3.2. Quy mô nhà văn hoá- thể thao được tính theo sức chứa của phòng khán giả, thông thường lấy từ 200 người đến 500 người.

3.3. Nhà văn hoá- thể thao được thiết kế theo 3 cấp công trình. Việc phân cấp được áp dụng theo tiêu chuẩn “Phân cấp công trình xây dựng. Nguyên tắc chung- TCVN 2748- 1991”.

4. Yêu cầu về khu đất xây dựng và tổ chức quy hoạch tổng mặt bằng

4.1. Địa điểm khu đất xây dựng nhà văn hoá- thể thao phải nằm trong quy hoạch chung đã được duyệt phù hợp với sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội hiện tại của địa phương và khả năng phát triển trong tương lai.

4.2. Khu đất xây dựng nhà văn hoá- thể thao phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Môi trường sạch đẹp phù hợp với các hoạt động văn hoá, thể thao, học tập, rèn luyện;

Có hệ thống giao thông thuận tiện, đảm bảo cho công tác xây dựng và đáp ứng được yêu cầu hoạt động của nhà văn hoá - thể thao trong tương lai;

Thuận lợi cho việc cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc v.v...;

Khu đất ở vị trí cao ráo, thoáng mát, ít tổn kém cho biện pháp xử lý đặc biệt về nền móng công trình hoặc thoát nước khu vực.

Nhà văn hoá- thể thao phải được bố trí ở khu vực trung tâm quận, huyện với bán kính phục vụ theo quy định trong bảng 1.

Bảng 1- Bán kính phục vụ của nhà văn hoá- thể thao

<i>Loại nhà văn hoá- thể thao</i>	<i>Bán kính phục vụ (m)</i>
Đối với các quận	Từ 2000 đến 3500
Đối với các huyện	Từ 3500 đến 5000

4.3. Diện tích đất xây dựng nhà văn hoá- thể thao căn cứ vào quy mô và tính chất điểm dân cư được quy định trong bảng 2.

Bảng 2. Diện tích đất xây dựng nhà văn hoá- thể thao

<i>Tên gọi</i>	<i>Sức chứa của phòng khán giả (người)</i>	<i>Diện tích xây dựng (ha)</i>
1. Nhà văn hoá- thể thao với nội dung hoạt động thông thường		
- Loại lớn	Từ 400 đến 500	Từ 0,8 đến 1,0
- Loại trung bình	Từ 200 đến 300	Từ 0,6 đến 0,7
- Loại nhỏ	Từ 100 đến 200	Từ 0,4 đến 0,5
2. Nhà văn hoá- thể thao với nội dung hoạt động mang tính chất đặc trưng của vùng miền		
- Loại lớn	Nhỏ hơn 500	Từ 0,6 đến 0,7
- Loại trung bình	Nhỏ hơn 400	0,5
- Loại nhỏ	Từ 200 đến 300	Từ 0,3 đến 0,4

4.4. Nên bố trí nhà văn hoá- thể thao gần các công trình văn hoá, thể thao khác và phải tính tới khả năng phối hợp giữa các công trình để tạo thành các tổ hợp văn hoá- thể thao của đô thị.

4.5. Phải triệt để hạn chế sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng nhà văn hoá- thể thao. Trường hợp sử dụng đất nông nghiệp thì phải được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4.6. Nhà văn hoá- thể thao phải được bố trí cách chỉ giới xây dựng hoặc đường đỏ của đường giao thông chính ít nhất là 6m. Trường hợp phải tổ chức bãi đỗ xe trong phạm vi công trình thì khoảng cách nói trên được phép tăng lên.

4.7. Phải tuân theo các quy định về khu bảo vệ và khoảng cách ly an toàn đối với các công trình xây dựng như đã nêu trong các điều từ điều 4.5 đến 4.14 của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tập I.

Khoảng cách ly vệ sinh tối thiểu của nhà văn hoá- thể thao được quy định như sau:

2000m- đối với nghĩa trang, bãi rác;

1000m - đối với bệnh viện có điều trị các bệnh truyền nhiễm;

1000m - đối với nhà máy có độ độc hại cấp I;

500m - đối với nhà máy có độ độc hại cấp II;

300m - đối với nhà máy có độ độc hại cấp III;

100m - đối với nhà máy có độ độc hại cấp IV;

50m - đối với nhà máy có độ độc hại cấp V.

Chú thích: Nếu công trình ở vị trí cuối hướng gió chủ đạo so với nhà máy thì khoảng cách này cần được tính toán cụ thể cho thích hợp.

4.8. Hướng của các khối chức năng chính của nhà văn hoá- thể thao phải bảo đảm đón được gió chủ đạo về mùa hè. Tận dụng được ánh sáng tự nhiên để chiếu sáng tối đa cho các phòng trong công trình.

4.9. Thiết kế tổng mặt bằng nhà văn hoá- thể thao cần phù hợp với các yêu cầu sau:

Phân khu chức năng rõ ràng;

Tổ chức giao thông hợp lý;

Phù hợp với yêu cầu sử dụng.

4.10. Tỷ lệ diện tích đất xây dựng cho các khu chức năng chính của nhà văn hoá- thể thao được tính toán như sau:

- Diện tích xây dựng các loại công trình kiến trúc	Từ 30% đến 35%
- Diện tích phần sân tập ngoài trời	Từ 25% đến 30%
- Diện tích cây xanh, sân vườn	Từ 15% đến 20%
- Diện tích đất làm đường đi	10%

4.11. Xung quanh khu đất xây dựng nhà văn hoá- thể thao phải có hàng rào bảo vệ và nên trồng dải cây xanh để chắn gió, bụi và giảm tiếng ồn. Chiều rộng dải cây xanh không nhỏ hơn 5m đối với đường giao thông thường và 10m đối với đường giao thông có mật độ lớn.

4.12. Trước lối ra vào của nhà văn hoá- thể thao (nơi có phòng biểu diễn) cần có bãi đỗ xe và nơi tập kết người, tiêu chuẩn diện tích lấy $0,3m^2$ /chỗ ngồi. Chiều rộng đường phân tán khán giả được quy định theo tính toán nhưng không nhỏ hơn 1m/500 khán giả.

4.13. Khu đất xây dựng nhà văn hoá- thể thao phải có ít nhất hai cổng ra vào cho người đi bộ và xe máy, ô tô. Cần có đường giao thông riêng cho khu vực kho và bãi đỗ xe.

5. Nội dung công trình và yêu cầu giải pháp thiết kế.

5.1. Nhà văn hoá- thể thao bao gồm các khối chức năng chính sau đây:

Khối hoạt động quần chúng;

Khối học tập;

Khối công tác chuyên môn;

Khối quản lý hành chính.

5.2. Chỉ tiêu diện tích xây dựng của các khối chức năng chính trong nhà văn hoá - thể thao được quy định như sau:

- Khối hoạt động quần chúng	50%
- Khối học tập	35%
- Khối công tác chuyên môn	10%
- Khối quản lý hành chính	5%

5.3. Không gian các phòng chức năng của nhà văn hoá- thể thao cần có tính thích ứng và tính linh hoạt cao về mặt sử dụng. Các phòng phải được bố trí sao cho tiện về mặt phân khu sử dụng và thống nhất quản lý.

5.4. Khi thiết kế nhà văn hóa- thể thao cần bố trí các phòng hoạt động riêng cho trẻ em, người già tại nơi có thể ra vào an toàn, thuận tiện. Phòng hoạt động của trẻ em cần trang trí vui nhộn, màu sắc tươi sáng phù hợp với đặc điểm và sự phát triển tâm sinh lý trẻ.

Chú thích : Cần tính đến nhu cầu sử dụng của người tàn tật trong công trình. Yêu cầu thiết kế được lấy theo tiêu chuẩn TCXDVN 264: 2002 “Nhà và công trình- Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng”

5.6. Nội dung của khối hoạt động quần chúng gồm các phòng chính sau:

Phòng khán giả;

Phòng vui chơi giải trí;

Phòng giao tiếp;

Phòng triển lãm (phòng trưng bày, phòng truyền thống);

Phòng đọc sách, thư viện;

Phòng thi đấu thể thao, sân thi đấu thể thao.

5.7. Phòng khán giả :

Phòng khán giả gồm: sảnh, phòng khán giả, sân khấu, phòng máy chiếu.;

Diện tích của phòng khán giả được tính cho một chỗ ngồi là 0,7m² đến 1 m²/chỗ ngồi.

Chú thích: Khi quy mô phòng khán giả lớn hơn 300 chỗ: việc thiết kế tia nhìn, bố trí ghế, lối đi lại, thiết kế âm thanh, phòng máy chiếu phải tuân theo TCVN 5577- 1991. Rạp chiếu bóng - Tiêu chuẩn thiết kế. Khi quy mô phòng khán giả từ 300 chỗ trở xuống có thể thiết kế thành phòng hoạt động đa năng với nền